

CÔNG TY CP NTACO

Số: 17.04/2024/CV-CBTT
V/v Công bố thông tin

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Giang, ngày 17 tháng 04 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Mã chứng khoán: ATA

Trụ sở Công ty: 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: 0909 415 538

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Sơn

Địa chỉ: 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0909 415 538

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2023

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Xin trân trọng công bố!

Tài liệu đính kèm

- Báo cáo thường niên 2023.



Người thực hiện công bố thông tin

Nguyễn Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

**Địa chỉ : Số 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, Phường Mỹ Quý,
TP Long Xuyên, An Giang**

Mã số thuế : 1600513044



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Năm báo cáo: 2023

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần NTACO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600513044
- Vốn điều lệ: 119.999.980.000 đồng (*Một trăm mười chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 119.999.980.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, Phường Mỹ Quý, TP Long Xuyên, An Giang.
- Số điện thoại: 02963. 601 255
- Số fax: 02963. 931 797
- Website: www.ntacocorp.com.vn
- Mã cổ phiếu: ATA.

2. Quá trình hình thành và phát triển.

- Ngày 11/04/2007 Công ty cổ phần NTACO thành lập với vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng. Đăng ký kinh doanh số 5203000066 do sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 11/04/2007.
- Ngày 08 tháng 09 năm 2009 Công ty chính thức niêm yết 10.000.000 cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là ATA.
- Năm 2011 Công ty tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 đồng lên 119.999.980.000 đồng và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành số : 16000513044 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 05 năm 2012.

- Tại Đại hội cổ đông ngày 03 tháng 11 năm 2015 Công ty đã bầu lại nhân sự chủ chốt và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6 ngày 12 tháng 11 năm 2015, lần thứ 7 ngày 09 tháng 06 năm 2017.

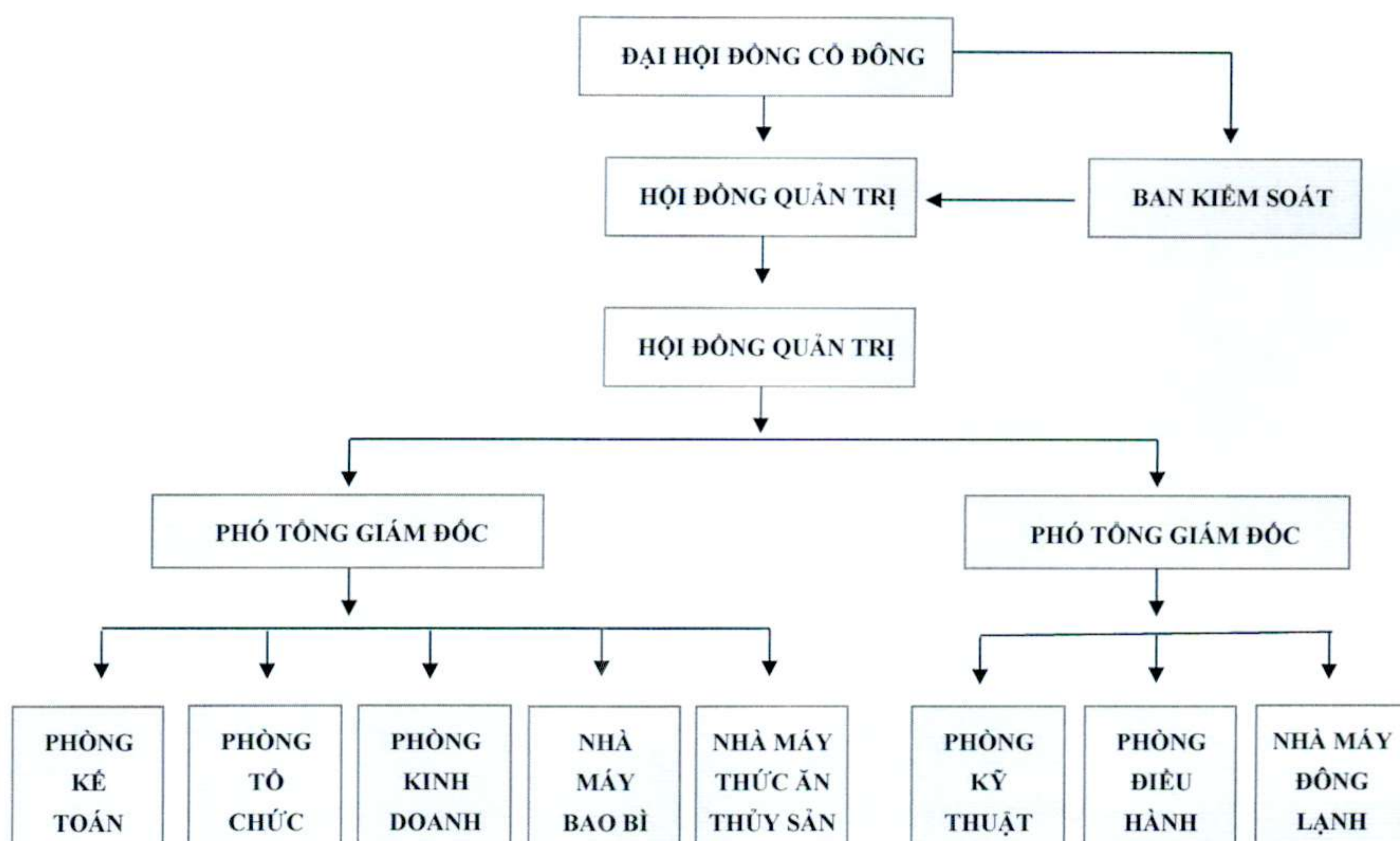
3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- Chế biến xuất khẩu thủy sản, sản xuất thức ăn thủy sản, sản xuất mua bán bao bì giấy, bao bì PE, PP, chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá, mỡ cá, nuôi cá, mua bán cá và các loại thủy sản khác.
- **Địa bàn kinh doanh:** Trong và ngoài nước.

4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- **Mô hình quản trị Công ty gồm:** Đại hội Đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể.

Cơ cấu bộ máy quản lý.



5. *Định hướng phát triển*

- Mục tiêu và chiến lược: Phát triển Công ty trong thời gian tới là trở thành công ty xuất khẩu thủy sản nằm trong top đầu các Công ty xuất khẩu thủy sản trong nước.
- Mục tiêu của công ty đối với môi trường, xã hội và cộng đồng : Là ngành cần nhiều lao động, hiện công ty đang tạo việc làm cho hơn 300 lao động trong nước. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy đông lạnh và vùng nuôi thủy sản để đảm bảo nguồn nước thải sạch.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Khoản mục	Năm 2021	Năm 2022
Doanh thu thuần	(66.000.000)	(68.198.605)
Lợi nhuận sau thuế	(171.064.437)	(69.137.454)

1.1.1 Hội đồng quản trị.

a. Chủ tịch hội đồng quản trị

- Họ và tên: **Nguyễn Thanh Sơn**
- Giới tính: Nam
- Số cccd : 001060000191; cấp ngày: 20/07/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Ngày sinh: 1960
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: chung cư phúc yên,phường 15 quận Tân Bình,TP Hồ chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02963.610255/0909415538
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, luật sư
- Quá trình công tác:
 - +Từ năm tốt nghiệp các trường đại học Luật,đại học kinh tế quốc Dân.

+Chủ tịch HĐQT công ty đầu giá hợp danh đại Nam,công ty TNHH luật xử lý nhanh Dân An.Công ty cp khoáng sản hoà Bình.

- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần khoáng sản Hòa Bình
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

b. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **Trần Minh Trọng**
- Giới tính: Nam
- Số CCCD: 089090017082, cấp ngày 22/11/2021, tại cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Ngày sinh: 03/02/1990
- Nơi sinh: Vĩnh Thành , Châu Thành, An Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: Ấp Đông Bình Nhất , Xã Vĩnh Thành , Huyện Châu Thành , An Giang.
- Số điện thoại liên lạc: 02963 931 477
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2016 đến nay : Công ty cổ phần NTACO
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành Viên Hội Đồng Quản trị,phụ trách kế toán.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

c. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **Lê Thị Phương Thảo**
- Giới tính: Nữ
- Số CCCD: 001192030099, cấp ngày 25/07/2021, , tại cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Ngày sinh: 02/03/1992
- Nơi sinh: Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 24, ngách 111/2 Giáp Bát, Hoàng Mai , Hà nội.
- Số điện thoại liên lạc: 02963 931 931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2014 : BBQ Company
 - + Từ 2015 : Apax English center
 - + Từ 2016 đến nay : NTACO company
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành Viên Hội Đồng Quản trị.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

d. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **Nguyễn Quốc Cường**
- Giới tính: Nam
- Số CCCD: 001066012122, cấp ngày 13/11/2021 tại cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Ngày sinh: 04/09/1966
- Nơi sinh: Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 43/61 Nguyễn Sơn, Ngọc Lâm , Long Biên , Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 02963 931 931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2000 đến nay : Công ty luật TNHH xử lý nhanh Dân An
 - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Công ty luật THNN xử lý nhanh Dân An
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

2.1.2 Ban Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc: Nguyễn Đức Huy

- Giới tính: Nam

- Số CCCD: 001091041716; cấp ngày: 25/07/2021 tại cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Ngày sinh: 14/04/1991
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 55 Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: Không
- Trình độ văn hoá: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Quản Lý Kinh Doanh
- Quá trình công tác:
 - + Năm 2016: Làm Việc tại Công Ty cổ phần đầu tư Việt Việt Nhật.
 - + Năm 2019 đến nay: Công ty cổ phần NTACO
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Phó Tổng Giám Đốc.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

2.1.3. Ban kiểm soát

a. Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Trương Quốc Vinh**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 352094536 cấp ngày: 08/05/2017 Nơi cấp: An Giang
- Ngày sinh: 08/08/1993
- Nơi sinh: An Giang

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: lô 14/h Khóm phó quế, Phường mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02963 933 169
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung Cấp kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 2015 đến năm 2017 : Làm việc tại Công Ty Điện Tử Phú Quý.
 - + Từ năm 2018 đến năm 2019: Làm việc tại MoBiPhone
 - + Từ năm 2019 đến nay là việc tại Công Ty Cp Ntaco
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

b. Thành viên ban kiểm soát

- Họ và tên: **Cao Tuyết Lan**
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 011920576; Nơi cấp: Hà Nội.
- Ngày sinh: 21/02/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Phòng 716 Chung cư An Quý Hưng Riverside, tổ 18, P.Thượng Thanh, Q.Long Biên, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 02963 931 931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Tin Học
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2000 - 2004: Trung tâm tin học PT.
 - + Từ 2005 - 2012: Công ty CP Thương Mại DV Tổng Hợp Và Công Nghệ HTL.
 - + Từ 2013 đến nay: CN. Công ty Đầu Giá hợp danh Đại Nam tại Hà Nội.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty cổ phần đầu tư Việt Việt Nhật.
- Số cổ phần nắm giữ: Không.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

3.1. Số lượng người lao động trong Công ty:

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là 7 người, cơ cấu lao động như sau:

Bộ phận	Trình độ	Số CB.CNV	Tỷ trọng
Khối văn phòng	Thạc sỹ	02	28,57%
	Đại học	04	57,14%
	Cao đẳng, trung cấp	01	14,29%

	Tổng cộng	7	100,00%
--	------------------	----------	----------------

3.2. Chính sách đối với người lao động:

a. Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc từ thứ hai đến sáng thứ bảy, nghỉ chiều thứ bảy và ngày chủ nhật. Người lao động làm việc tại bộ phận thành phẩm và bộ phận kho được chia làm 02 ca / ngày, mỗi ca làm việc 8h từ 6h đến 20h hàng ngày.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động như: quần, áo, mũ, găng tay, khẩu trang, ủng. Đối với công nhân điện được trang bị quần áo, găng tay, giày.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Tuyển dụng: Công ty chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và người có tay nghề. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể cho nhà máy chế biến và từng bộ phận, phòng ban. Tuyển dụng các nhân viên trẻ trình độ chuyên môn cao, năng động và tốt nghiệp từ các trường Đại Học An Giang, Cần Thơ, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Công Tác đào tạo và nâng cao tay nghề: Công ty chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên trong nhà máy chế biến cũng như bộ phận quản lý, văn phòng. Đối với công nhân nhà máy chế biến, chủ yếu đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao tay nghề cho công nhân. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc công ty sẽ đài thọ toàn bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo về tiêu chuẩn HACCP, đào tạo BRC (British Retail Consortium) của hiệp hội bán lẻ Anh Quốc...

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi: Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước. Có khu tập thể cho các cán bộ quản lý của nhà máy.

Bảo hiểm: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật lao động, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà Nước về chế độ bảo hiểm và trợ cấp.

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 11.999.998 cổ phiếu.
- Tất cả cổ phần trên được chuyển nhượng tự do và không nằm trong diện bị hạn chế chuyển nhượng

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Họ và tên	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Sơn	0	0%	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Đức Huy	0	0%	Phó Tổng Giám Đốc
3	Cổ đông khác	11.999.998	100%	
Tổng cộng		11.999.998	100%	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm Công ty không phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: Hiện tại, Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu quỹ, cổ phiếu thưởng, trái phiếu...

4.2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Cơ cấu tổ chức, quản lý cũng như những chính sách của Công ty đã đi vào ổn định, riêng với chính sách cho người lao động Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách về bảo hiểm, trợ cấp, lương thưởng và các phúc lợi khác.

4.3. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Công ty dựa trên tình hình thực tế đề ra kế hoạch cho từng năm cụ thể. kế hoạch được Đại hội cổ đông thường niên thông qua hàng năm.

5. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Căn cứ vào Điều lệ hoạt động Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024. Hội đồng quản trị đã bám sát tình hình hoạt động thực tế của Công ty từ đó đề ra các quyết định phù hợp. Kết quả kinh doanh năm 2023 chưa đạt được lợi nhuận chỉ tiêu đề ra do tình hình kinh tế chung rất khó khăn.

6. Quản trị công ty.

6.1 Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thanh Sơn	Chủ Tịch HĐQT	0	0%
2	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên HĐQT	0	0%
3	Trần Minh Trọng	Thành viên HĐQT	0	0%
4	Lê Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT	0	0%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, mà cử các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách vấn đề nhân sự, tiền lương, thưởng Công ty.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2023/NQ-HĐQT	01/02/2023	Nghị quyết về việc tổ chức họp ĐHCĐTN năm 2023
2	02/2023/NQ-HĐQT	03/04/2023	Nghị quyết về thời gian và địa điểm tổ chức họp ĐHCĐTN năm 2023
3	01/NQ-ĐHCĐTN-ATA/2023	28/04/2023	Nghị quyết ĐHCĐTN năm 2022
4	08NQ-HĐQT/ATA	20/10/2023	Nghị quyết HĐQT về việc bàn giao phần đất cho công ty cp ĐT Việt Việt Nhật.
5	09/NQ-HĐQT/ATA	15/01/2023	Nghị quyết HĐQT về việc ký kết hợp đồng đầu
6	406/2023/UYH-HN/HĐKT	11/12/2023	Chọn công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Tham gia đại hội cổ đông và các cuộc họp trong năm.

6.2 Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ
1	Trương Quốc Vinh	Trưởng Ban	0	0%
2	Cao Tuyết Lan	Thành viên	0	0%

b) **Hoạt động của Ban kiểm soát:** Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra các hoạt động của Công ty.

6.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:** Năm 2023 Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc không nhận thù lao và các khoản lợi ích khác.

b) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không

d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty luôn chấp hành và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

7. Báo Cáo Tài Chính (đính kèm)

An Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023



CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiêu thụ công nghiệp Mỹ Quý), P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý), P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần NTACO (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch
Ông Trần Minh Trọng	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên
Bà Lê Thị Phương Thảo	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc
--------------------	-------------------

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính năm 2023 kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý), P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thanh Sơn

Chủ tịch HĐQT

Ngày 29 tháng 03 năm 2024



Số: 382 /2024/UHY-HN/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần NTACO**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần NTACO (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 24 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2023 cũng như tại thời điểm kiểm toán. Đồng thời, trong năm đơn vị không tiến hành trích khấu hao tài sản cố định. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế do đó Chúng tôi không đưa ý kiến về khoản mục tài sản cố định hữu hình và vô hình với giá trị còn lại lần lượt là 13,03 tỷ và 3,48 tỷ đồng.

Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận công nợ phải thu, phải trả đến các đối tượng có liên quan. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa nhận được xác nhận số dư tại ngày 01/01/2023 của các khoản công nợ Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn, Phải thu ngắn hạn khác, Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, Phải trả người bán ngắn hạn, Chi phí phải trả và Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn với số tiền lần lượt khoảng 8,96 tỷ VND; 0,53 tỷ VND; 7,6 tỷ VND; 1,33 tỷ VND; 7,87 tỷ VND; 161,75 tỷ VND và 321,17 tỷ VND và tại ngày 31/12/2023 của các khoản công nợ Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn, Phải thu ngắn hạn khác, Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, Phải trả người bán ngắn hạn, Chi phí phải trả và Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn với số tiền lần lượt khoảng 7,7 tỷ VND; 0,53 tỷ VND; 4,4 tỷ VND; 1,33 tỷ VND; 7,91 tỷ VND; 161,75 tỷ VND và 321,17 tỷ VND. Theo đó, chúng tôi không thể xác định giá trị chính xác và đưa ra các điều chỉnh phù hợp cho các số dư công nợ nêu trên trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023.

Công ty chưa trích lập dự phòng đầy đủ các khoản công nợ phải thu khách hàng và trả trước cho người bán.

Trong năm, Công ty chưa trích trước các khoản lãi vay phải trả của các khoản vay ngân hàng. Chúng tôi không có bằng chứng và cơ sở để thực hiện ước tính ảnh hưởng của khoản chi phí lãi vay chưa được ghi nhận này đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty trong năm.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ngày 29/10/2019, Công ty nhận được kết quả bản án sơ thẩm liên quan đến vụ kiện cho khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang. Theo bản án, Công ty có nghĩa vụ phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam số tiền gốc 236.613.778.977 đồng và lãi trong hạn là 149.603.789.897 đồng, quá hạn là: 2.580.646.712 đồng.

Công ty đã bị Cục thuế tỉnh An Giang ra thông báo số 2853/TB-CT ngày 05/06/2019 về việc cưỡng chế hóa đơn không còn giá trị sử dụng do không chấp hành nộp tiền nợ thuế và tiền chậm nộp.

Mặt khác, tại ngày 31/12/2023, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 496.977.616.924 đồng. Lỗ lũy kế 600.467.294.053 đồng làm vốn chủ sở hữu âm 480.467.314.053 đồng. Mặt khác các hợp đồng vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán và chúng tôi chưa thu thập được các thỏa thuận cho phép gia hạn các khoản vay nói trên cũng như chưa thu thập được các bằng chứng liên quan đến việc gia hạn các khoản nợ.

Theo đó giả định hoạt động liên tục khi lập Báo cáo tài chính của Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tuy nhiên, báo cáo tài chính kèm theo Công ty vẫn đang lập theo giả định hoạt động liên tục.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY



HOÀNG ĐÌNH HẢI

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2282-2023-112-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

TRẦN HỒNG GIANG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3893-2022-112-1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.600.220.526	10.040.419.131
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	23.931.719	19.061.665
Tiền	111		23.931.719	19.061.665
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.995.228.089	9.440.296.748
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	7.717.902.279	8.964.172.279
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	530.032.343	530.032.343
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.403.590.223	7.602.388.882
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.656.296.756)	(7.656.296.756)
Tài sản ngắn hạn khác	150		581.060.718	581.060.718
Thuế GTGT được khấu trừ	152		581.060.718	581.060.718
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.510.302.871	16.510.302.871
Tài sản cố định	220		16.510.302.871	16.510.302.871
Tài sản cố định hữu hình	221	8	13.026.882.871	13.026.882.871
- Nguyên giá	222		97.638.079.587	97.638.079.587
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.611.196.716)	(84.611.196.716)
Tài sản cố định vô hình	227	9	3.483.420.000	3.483.420.000
- Nguyên giá	228		3.483.420.000	3.483.420.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	-	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.335.000.000	1.335.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.335.000.000)	(1.335.000.000)
TỔNG TÀI SẢN	270		22.110.523.397	26.550.722.002

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACOSố 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý),
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		502.577.837.450	506.949.837.450
Nợ ngắn hạn	310		502.577.837.450	506.949.837.450
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	7.918.501.845	7.872.501.845
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		67.227.930	67.227.930
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	6.313.315.060	6.313.315.060
Phải trả người lao động	314		743.268.001	743.268.001
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	161.751.631.437	161.751.631.437
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	4.371.724.937	8.789.724.937
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	321.171.538.900	321.171.538.900
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		240.629.340	240.629.340
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(480.467.314.053)	(480.399.115.448)
Vốn chủ sở hữu	410	16	(480.467.314.053)	(480.399.115.448)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.999.980.000	119.999.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.999.980.000	119.999.980.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(600.467.294.053)	(600.399.095.448)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(600.399.095.448)	(600.333.095.448)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(68.198.605)	(66.000.000)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		22.110.523.397	26.550.722.002

Người lập biểu



Trần Minh Trọng

Phụ trách kế toán



Trần Minh Trọng



Ngày 29 tháng 03 năm 2024

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiêu thủ công nghiệp Mỹ Quý),

P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)*

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
Giá vốn hàng bán	11		-	-
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	5.795	-
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	68.204.400	66.000.000
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(68.198.605)	(66.000.000)
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác	40		-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(68.198.605)	(66.000.000)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(68.198.605)	(66.000.000)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	(6)	(6)

Ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu



Trần Minh Trọng

Phụ trách kế toán



Trần Minh Trọng

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiêu thụ công nghiệp Mỹ Quý), P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị đụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2023	33.895.946.021	62.518.411.810	579.163.636	644.558.120	97.638.079.587
31/12/2023	33.895.946.021	62.518.411.810	579.163.636	644.558.120	97.638.079.587
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2023	(24.092.881.352)	(59.294.593.608)	(579.163.636)	(644.558.120)	(84.611.196.716)
31/12/2023	(24.092.881.352)	(59.294.593.608)	(579.163.636)	(644.558.120)	(84.611.196.716)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2023	9.803.064.669	3.223.818.202	-	-	13.026.882.871
31/12/2023	9.803.064.669	3.223.818.202	-	-	13.026.882.871

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất không thời hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		(68.198.605)	(66.000.000)
Điều chỉnh cho các khoản (Lãi) hoạt động đầu tư	05		(5.795)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(68.204.400)	(66.000.000)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.445.068.659	66.000.000
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.372.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.864.259	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.795	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.795	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.870.054	-
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	19.061.665	19.061.665
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	23.931.719	19.061.665

Ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Trần Minh Trọng

Phụ trách kế toán

Trần Minh Trọng



Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY
CP
NTACO

Nguyễn Thanh Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần NTACO (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH Tuấn Anh - Thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 5202000016 ngày 15 tháng 08 năm 2000 và Giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2004.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 1600513044 ngày 11 tháng 04 năm 2007, thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 09 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính của công ty đặt tại: Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý), Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 119.999.980.000 VND.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là chế biến các sản phẩm và phụ phẩm liên quan đến cá tra.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là chế biến các sản phẩm và phụ phẩm liên quan đến cá tra

Chế biến thủy sản; chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá, mỡ cá; Nuôi cá; Mua bán cá và thủy sản; Sản xuất thức ăn chăn nuôi; Chế biến, mua bán nông sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản; Xay xát và sản xuất bột thô; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê; Kinh doanh bất động sản (doanh nghiệp phải đảm bảo trong suốt quá trình hoạt động vốn chủ sở hữu không được thấp hơn 06 tỷ đồng).

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này.

3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá xuất của hàng hóa miễn thuế được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 45
- Máy móc, thiết bị	08 – 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 11

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

3.8 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm chi phí lãi vay phải trả.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tồ do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tồ do sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.11 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

3.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các Công ty thuộc Tổng Công ty và các công ty con cùng Tổng Công ty.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	5.995.095	5.296.436
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.936.624	13.765.229
Cộng	23.931.719	19.061.665

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiêu thụ công nghiệp Mỹ Quý), P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	7.717.902.279	(6.363.958.359)	8.964.172.279	(6.363.958.359)
- Global Trading Ltd.,	4.182.076.555	(4.182.076.555)	4.182.076.555	(4.182.076.555)
- Công ty CP Thiết kế nội thất Nam Tiến	1.353.943.920	-	1.353.943.920	-
- Công ty CP Đầu tư Việt Việt Nhật	-	-	1.246.270.000	-
- Phải thu khác	2.181.881.804	(2.181.881.804)	2.181.881.804	(2.181.881.804)
Cộng	7.717.902.279	(6.363.958.359)	8.964.172.279	(6.363.958.359)

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 22.1

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	530.032.343	(473.748.174)	530.032.343	(473.748.174)
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I	177.969.960	(177.969.960)	177.969.960	(177.969.960)
- Trung tâm Đào tạo và Xúc tiến Thương mại Vasep	84.463.227	(84.463.227)	84.463.227	(84.463.227)
- Các khoản khác	267.599.156	(211.314.987)	267.599.156	(211.314.987)
Cộng	530.032.343	(473.748.174)	530.032.343	(473.748.174)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	4.403.590.223	(818.590.223)	7.602.388.882	(818.590.223)
- Tạm ứng	233.653.997	(233.653.997)	233.653.997	(233.653.997)
- Phải thu khác	4.169.936.226	(584.936.226)	7.368.734.885	(584.936.226)
+ Ông Nguyễn Thanh Sơn	3.585.000.000	-	6.783.798.659	-
+ Các khoản khác	584.936.226	(584.936.226)	584.936.226	(584.936.226)
Cộng	4.403.590.223	(818.590.223)	7.602.388.882	(818.590.223)

Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 22.1

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiêu thụ công nghiệp Mỹ Quý), P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***10. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	1.335.000.000	(1.335.000.000)	(*)	1.335.000.000	(1.335.000.000)	(*)
- Công ty CP Âu Việt (*)	1.335.000.000	(1.335.000.000)	(*)	1.335.000.000	(1.335.000.000)	(*)
Cộng	1.335.000.000	(1.335.000.000)	(*)	1.335.000.000	(1.335.000.000)	(*)

(*) Góp vốn vào Công ty CP Âu Việt với tỷ lệ 15% vốn điều lệ của Công ty.

(**) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2023. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	7.918.501.845	7.918.501.845	7.872.501.845	7.872.501.845
- Công ty CP Âu Việt	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Công ty CP Thủy sản Gentraco	873.459.321	873.459.321	873.459.321	873.459.321
- Công ty TNHH Xây dựng Phúc Thiện	112.320.000	112.320.000	112.320.000	112.320.000
- Các khoản phải trả người bán khác	932.722.524	932.722.524	886.722.524	886.722.524
Cộng	7.918.501.845	7.918.501.845	7.872.501.845	7.872.501.845

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiêu thụ công nghiệp Mỹ Quý), P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2023	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.244.535.520	-	-	-	-	-	1.244.535.520	
- Thuế tài nguyên	6.600.000	-	-	-	-	-	6.600.000	
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.160.695.320	-	-	-	-	-	3.160.695.320	
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.901.484.220	-	-	-	-	-	1.901.484.220	
Cộng	6.313.315.060	-	-	-	-	-	6.313.315.060	

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2023		01/01/2023		Số có khả năng trả nợ (*)
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)	Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn	321.171.538.900	-	-	-	321.171.538.900
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (i)	236.613.778.977	-	-	-	236.613.778.977
- Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh An Giang (ii)	25.126.740.856	-	-	-	25.126.740.856
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (iii)	53.317.842.389	-	-	-	53.317.842.389
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh An Giang (iv)	3.512.715.551	-	-	-	3.512.715.551
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang (v)	1.600.461.127	-	-	-	1.600.461.127
- Vay cá nhân ông Dương Thái Nguyên (vi)	1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000
Cộng	321.171.538.900	-	-	-	321.171.538.900

(*) Các khoản vay này đã quá hạn từ lâu và Công ty chưa có khả năng thanh toán cho các khoản vay này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp)

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo Hợp đồng hạn mức số 201/2010/NHNT.AG ngày 15/6/2010 và các Hợp đồng cho vay từng lần (đính kèm hợp đồng 201/2010/NHNT.AG). Với mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất, nhà máy, văn phòng làm việc, máy móc thiết bị.
- (ii) Vay Ngân hàng NN&PTNT tỉnh An Giang theo Hợp đồng tín dụng số 47/2013/HĐTD ngày 22/5/2013. Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời gian vay tính theo từng giấy nhận nợ và tối đa là 6 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, chế biến. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Hình thức bảo đảm tiền vay là Quyền sở hữu công trình xây dựng, hàng tồn kho, máy móc, thiết bị theo hợp đồng thế chấp tài sản số 47B/HĐTC ngày 22/5/2013.
- (iii) Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo các Hợp đồng tín dụng số 48/2014/HĐTDXH-NHPT-ĐT.AG ngày 19/5/2014. Mục đích vay để thực hiện phương án kinh doanh mặt hàng xuất khẩu cá tra. Lãi suất vay theo từng Khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba và các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng – CN An Giang theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 068/2010/HĐTD-DN.LX ngày 20/05/2010 và các hợp đồng sửa đổi cấp hạn mức tín dụng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Hình thức bảo đảm tiền vay là hàng hóa tồn kho cá thành phẩm.
- (v) Vay theo Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 0015/HDDNT2-VIB621/11 ngày 16/03/2011 và các Phụ lục hợp đồng. Hạn mức 9 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh cá tra, basa fillet xuất khẩu. Lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ. Hình thức bảo đảm là hàng tồn kho, dây chuyền sản xuất từ cá phế phẩm.
- (vi) Đây là các khoản vay từ các cá nhân phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là dưới 12 tháng. Lãi suất từ 1% đến 1,2%/tháng.

Ngày 29/10/2019 Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên cũng tuyên bản án sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST về việc buộc Công ty Cổ phần NTACO có nghĩa vụ phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền gốc 236.613.778.977 đồng; lãi trong hạn là 149.603.789.897 đồng và lãi quá hạn là: 2.580.646.712 đồng.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	161.751.631.437	161.751.631.437
- Lãi vay phải trả	161.751.631.437	161.751.631.437
Cộng	161.751.631.437	161.751.631.437

15. PHẢI TRẢ KHÁC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	4.371.724.937	8.789.724.937
- Kinh phí công đoàn	26.594.000	26.594.000
- Công ty CP Đầu tư Việt Việt Nhật	4.120.000.000	8.558.000.000
- Ông Trần Minh Trọng	205.130.937	205.130.937
- Phải trả khác	20.000.000	-
Cộng	4.371.724.937	8.789.724.937

Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 22.1

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2022	119.999.980.000	(600.333.095.448)	(480.333.115.448)
- Lỗ trong năm trước	-	(66.000.000)	(66.000.000)
31/12/2022	119.999.980.000	(600.399.095.448)	(480.399.115.448)
01/01/2023	119.999.980.000	(600.399.095.448)	(480.399.115.448)
- Lỗ trong năm nay	-	(68.198.605)	(68.198.605)
31/12/2023	119.999.980.000	(600.467.294.053)	(480.467.314.053)

16.2 CỔ PHIẾU

	31/12/2023	01/01/2023
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.998	11.999.998
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.999.998	11.999.998
+ Cổ phiếu phổ thông	11.999.998	11.999.998
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.998	11.999.998
+ Cổ phiếu phổ thông	11.999.998	11.999.998
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.795	-
Cộng	5.795	-
18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.204.400	66.000.000
Cộng	68.204.400	66.000.000
19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(68.198.605)	(66.000.000)
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(68.198.605)	(66.000.000)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	(68.198.605)	(66.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(68.198.605)	(66.000.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	11.999.998	11.999.998
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	(6)	(6)
21. BÁO CÁO BỘ PHẬN		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong năm Công ty không cung cấp bất kỳ loại hàng hóa hay dịch vụ nào. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng báo cáo tài chính.

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

22.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	
Công ty CP Đầu tư Việt Việt Nhật	Ông Nguyễn Thanh Sơn là đồng chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT	
Ông Trần Minh Trọng	Thành viên HĐQT	

Giao dịch với bên liên quan (*)

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi tạm mượn	3.770.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Sơn	3.770.000.000	-
Thu tạm mượn	4.657.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật	4.120.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Sơn	537.000.000	-

Số dư với các bên liên quan (*)

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khác		
Ông Nguyễn Thanh Sơn	3.585.000.000	6.783.798.659
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật	4.120.000.000	8.558.000.000
Ông Trần Minh Trọng	205.130.937	205.130.937

() Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch chi cho Ông Nguyễn Thanh Sơn – Chủ tịch Hội đồng quản trị mượn tiền. Bên cạnh đó, Công ty cũng mượn tiền của Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật. Số dư tại ngày 31/12/2023 của ông Nguyễn Thanh Sơn là 3.585.000.000 đồng và Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật là 4.120.000.000 đồng. Tuy nhiên, các giao dịch này chưa được Hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

22.2 KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Năm 2023, Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh bị lỗ 68.198.605 đồng, lỗ lũy kế 600.467.294.053 đồng làm vốn chủ sở hữu âm 480.467.314.053 đồng. Tại ngày 31/12/2023, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 496.977.616.924 đồng

Ngày 29/10/2019, Công ty nhận được kết quả bản án sơ thẩm liên quan đến vụ kiện cho khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang. Theo bản án, Công ty có nghĩa vụ phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền gốc 236.613.778.977 đồng và lãi đến hạn, quá hạn là: 152.184.436.609 đồng. Ngoài ra công ty còn có các khoản nợ gốc vay Ngân hàng khác đã đến hạn nhưng chưa có khả năng chi trả.

Các yếu tố trên dẫn tới sự nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã và đang xúc tiến kế hoạch kinh doanh mới, tìm kiếm khách hàng và thị trường mới. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tái khởi động lại hoạt động gia công xuất khẩu cá phi lê và duy trì việc cho thuê nhà xưởng, kho đông lạnh nhân rồi để tạo nguồn thu thanh toán các nghĩa vụ đến hạn. Công ty đã xây dựng phương án tái cấu trúc lại hoạt động và thương thảo với các ngân hàng để tái cơ cấu lại các khoản nợ vay để có thể đảm bảo cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Theo đó, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

22.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội – Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

Ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu



Trần Minh Trọng

Phụ trách kế toán



Trần Minh Trọng

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thanh Sơn